

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2018
“V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Lương.
2. Ông Thạch Thanh Long.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 297/2018/TLST-HNGĐ, ngày 26/4/2018 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Minh H** (tên gọi khác: **Bé N**), sinh năm 1978. (Có mặt).

Địa chỉ: ấp N A, xã B, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Anh **Ngô Văn T**, sinh năm 1979. (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh T.

Tạm trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2018 và các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Minh H là nguyên đơn trình bày: chị và anh T do tự tìm hiểu, quen biết và được hai bên gia đình đồng ý cho anh chị tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào tháng 4/2005 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng về nhiều mặt, không hợp nhau về tính tình, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh T kiếm chuyện gây gổ đánh đập chị, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng phát sinh trầm trọng, hai bên không tiếp tục sống chung

với nhau được nữa nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, từ đó vợ chồng đã cắt đứt quan hệ vợ chồng, sống ly thân từ năm 2009 đến nay không hàn gắn được. Chị và anh T đã được chính quyền, đoàn thể giải quyết nhiều lần nhưng không thành, nay mỗi người đều có cuộc sống riêng.

Quá trình chung sống chị và anh T có được 02 người con chung tên: Ngô Thanh Tr, sinh ngày 06/3/2005 và Ngô Quang V, sinh ngày 29/9/2007, hiện các con đang sống với anh T.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung phải thu, phải trả: không có.

Nay xét thấy giữa chị và anh T mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn tình cảm gì với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: chị yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của các con, sống với ai người đó chăm sóc, nuôi dưỡng, nếu các con sống với chị thì chị nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Ngô Văn T là bị đơn trình bày: anh với chị H do tự tìm hiểu, quen biết và được sự đồng ý của hai bên gia đình cho anh chị tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2005. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau về tính tình, thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hôn nhân không đạt được nên hai bên đã cắt đứt quan hệ vợ chồng, sống ly thân hơn 10 năm nay không hàn gắn được.

Quá trình chung sống anh và chị H có được 02 người con chung tên: Ngô Thanh Tr, sinh ngày 06/3/2005 và Ngô Quang V, sinh ngày 29/9/2007 hiện các con đang sống với anh.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung phải thu, phải trả: không có.

Nay về hôn nhân: anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: anh yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của các con, sống với ai người đó chăm sóc, nuôi dưỡng, nếu các con sống với anh thì anh chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án hai em Ngô Thanh Tr và Ngô Quang V cùng có lời trình bày: hai em là con của bà Nguyễn Thị Minh H và ông Ngô Văn T. Việc cha mẹ ly hôn, hai em không có ý kiến gì. Sau khi cha mẹ ly hôn, hai em cùng có nguyện vọng được sống với cha là ông T.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa anh Ngô Văn T là bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Minh H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh giải quyết việc hôn nhân của chị. Theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh H và anh Ngô Văn T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2005. Hôn nhân đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân không hợp pháp.

Quá trình chung sống hai bên đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng được chị H thừa nhận tại đơn khởi kiện, tại bản khai và tại phiên tòa, anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày tại bản khai ngày 04/5/2018 anh thừa nhận cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã được chính quyền, đoàn thể giải quyết nhưng không có kết quả, hai bên không khắc phục được mâu thuẫn vợ chồng và ngày càng phát sinh trầm trọng thêm, từ đó chị H trở về nhà cha, mẹ ruột sinh sống từ năm 2009, hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa từ đó cho đến nay. Từ đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng của chị H và anh T đã xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cắt đứt quan hệ vợ chồng với anh T là có căn cứ. Tuy nhiên, hôn nhân giữa chị H và anh T đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị H xin được ly hôn với anh T là không phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của chị H và anh T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: gồm 02 người tên Ngô Thanh Trang, sinh ngày 06/3/2005 và Ngô Quang Vinh, sinh ngày 29/9/2007 hiện các con đang sống với anh T. Chị H và anh T cùng yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cũng cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của các con chưa thành niên. Xét thấy từ khi chị H và anh T sống ly thân nhau cho đến nay, hai con đều do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo quyền lợi của các con về mọi mặt trong cuộc sống và nguyện vọng của hai em Thanh Trang và Quang Vinh mong muốn được sống chung với anh T nên có căn cứ chấp nhận theo sự thỏa thuận của chị H và anh T và theo nguyện vọng của các con nên công nhận cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con tên Ngô Thanh Trang, sinh ngày 06/3/2005 và Ngô Quang Vinh, sinh ngày 29/9/2007.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: anh T chưa đưa ra yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: hai bên thừa nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: buộc chị Nguyễn Thị Minh H có nghĩa vụ nộp theo quy định của pháp luật. Anh Ngô Văn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8, 9, 14, 53, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 01 Điều 28, Điều 35, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Nguyễn Thị Minh H và anh Ngô Văn T là vợ chồng.

[2] Về con chung: Công nhận cho anh Ngô Văn T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Ngô Thanh Trang, sinh ngày 06/3/2005 và Ngô Quang Vinh, sinh ngày 29/9/2007.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: anh T chưa đưa ra yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung phải thu, phải trả: hai bên thừa nhận không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Minh H có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2015/0014596, ngày 24/4/2018 do chị H nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Ngô Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung